

P. L. 2507

Năm thứ 6 - Số 64

刊月音圓

VIÊN - ÂM



VIÊN - ÂM NGUYỆT - SAN
ANNAM PHẬT-HỌC HỘI PHÁT HÀNH

1943

IN TẠI NHÀ IN Đ QUỐC TỬ

73, Rue Richand, 73

FRANCE

GIÁ 0\$25

Nam-mô Bôn-sư Thích-Ca
Mâu-Ni Phật

Tác đại chứng-minh

VIÊN-ÂM NGUYỆT-SAN

Tạp-chí chuyên-chủ về đạo Phật do Annam Phật-học hội (S. E. E. R. B. A.) xuất bản

Chủ-nhiệm: Hội-trưởng hội Annam Phật-học :

S. E. UNG-BÀNG

Chủ bút: Giáo-lý kiêm-duyet :

Ông LÊ-ĐÌNH-THẨM

Thơ-từ bài-vở, xin gởi cho :

Annam Phật-học hội Tổng-trị-sự

Boite postale N. 73 Huế :

Ngân-phieu trả tiền-báo xin đề tên :

Ông Phạm-văn-Vi Phanrang

Giá báo : 12 số — 2\$50 ; — mỗi số — 0\$25.

Hội-viên hội Annam Phật-học muốn hưởng
25/.., xin do các Hội-trưởng tỉnh hội gởi mua.

Các ngài muốn khảo-cứu triết-ly của đạo Phật,

Các ngài muốn biết rõ tâm-tánh của mình,

Các ngài muốn biết con đường tu-hành cho
đến chỗ hoàn-toàn.

Hãy luôn luôn đọc :

Viên-âm Nguyệt-san

ĐẠI-THỪA VÀ TIỂU-THỪA

I. NGHĨA CHỮ THỪA

Đạo Phật cốt dạy cho người học các sự nhận biết sai-lầm của mình, biết những phương-pháp dứt trừ các phiền-não, để giúp cho người tiến-hóa, mãi và hưởng được hạnh-phúc chân-thật, là thường, lạc, ngã, tịnh. Có theo đường ấy mới thật có thể ban-bố hạnh-phúc cho chúng-sanh được, vì mình có tiến-hóa đúng đường, mới giúp người tiến-hóa được, mình có được hạnh-phúc chân-thật mới giúp người thật được hạnh-phúc. Giáo-pháp của Phật chỉ cốt dạy cho đạt được mục-đích ấy, song vì căn-cơ của chúng-sanh không đồng-đẳng, nên cách lãnh-thể cũng có khác, như ánh mặt trời tuy ban-bố cho mọi vật và giúp cho sanh-nở, song cỏ cây sâu bọ, chim - muông, mỗi loài đều hấp-thụ theo sự nhu-cần của mình, và tùy theo từng bậc của mỗi căn-cơ mà hóa in tưởng có nhiều tầng bậc trong giáo-pháp, nhân nhờ các giáo-pháp huyền-diệu ấy mà một căn-cơ thấp-kém có thể tiến-hóa lên từng bậc cao hơn, nghĩa là lên cảnh-giới-ti khỗ hơn. Vì thế các giáo-pháp ấy mới gọi là thừa, nghĩa là các phương-pháp có thể đưa chúng-sanh từ tầng bậc này đến từng bậc khác trên đường giác-ngộ, như cỗ xe có thể đưa người từ nơi này đến nơi kia (vì chữ thừa có hai nghĩa : cỗ xe (đọc là thặng) và chở đi (thừa)).

II. NGŨ THỪA

Nếu kể li-mỉ thì tất có hằng-hà-sa-số thừa thích hiệp cho mọi căn-cơ, nhưng đại-đề thì trong đạo Phật có năm thừa là : 1) Nhân-thừa ; 2) Thiên-thừa ; 3) Thanh-vấn-thừa ; 4) Duyên-giác-thừa ; 5) Bồ-lát-

thừa. Thừa nào cũng tùy theo căn-cơ của mỗi loài mà chỉ cho nhận biết một phần chân-lý, rồi y theo lý ấy mà tu-trì cho chứng đến quả-vị của thừa ấy. Cứ từng bậc mà noi theo lần cho đến quả-vị viên-mãn là Phật, hay là bậc Giác-ngó hoàn-toàn.

Đạo Phật do đức Phật Thích-Ca truyền để giáo-hóa trong cõi Ta-bà là cõi người, nên bắt đầu từ Nhân-thừa.

1 Nhân-thừa. — Nhân-thừa để giáo hóa cho người tiến-hóa lên đến bậc tối cao trong nhân-loại. Người tu-hành chỉ cần biết rõ và tin luật nhân-quả, luân-hồi, thiện ác quả-báo (lý) rồi tu theo phép Tam-qui ngũ-giới, là phép chỉ ác hướng thiện (hành).

2 Thiên-thừa. — Muốn thoát được nghiệp người, được hưởng phước báo của chư Thiên, thì ngoài các phép tu trên, cần phải tu theo thập-thiện, ly dục, thùyển định. Tu ly - dục mới thoát hẳn được dục-giới mà lên cõi Trời Sắc-giới; có tu các định cao hơn mới lên cõi Trời Vô-Sắc.

Tu theo hai thừa này, chưa thoát được luân-hồi, vì dù lên đến bậc Trời cao nhất, lúc hết phước-báo cũng phải đọa, cho nên gọi là sanh-diệt-pháp, hay là thế gian-pháp.

Tu để xuất-thế-gian có ba lối :

1. Thanh-văn thừa. - Chân-lý : hàng này nhận được là Tu-đề.

Lối tu : Ba mươi bảy món trợ-đạo.

Quả : Không xuất-gia để giữ đủ giới thì có thể chứng các quả thấp, duy xuất-gia mới có thể chứng quả A-la-hán.

2. Duyên-giác . Chân-lý : Hàng này nhận được là

Thập-nhị nhân-duyên (mười hai nhân-duyên.)

Phép tu: **Ốt trừ ái, thủ, và đoan vô-minh.**
Quả: Chứng được là Duyên-giác, hoặc Đột-giác, hoặc Bích-Chi Phật. Đã tự giải-thoát được nhiều, song còn một ít pháp-si, nên chưa được tự-lại, điều - dụng không được rộng lớn.

- 3) **Bồ-tát.** — Chân-lý : Nhận được là thiệt-tánh của Pháp-giới, nghĩa là tánh tuyệt-đối đối-đãi của sự vật ; nhận đó hiểu được lý, nhất thể duyên nhất, nhất duyên nhất thể (toàn-thể đều ảnh-hưởng đến một pháp, một pháp ảnh-hưởng đến toàn-thể, toàn-thể đối-đãi mà thành một pháp, một pháp đối-đãi với hết thảy các pháp) mà hiểu toàn-dụng của tâm.

Lối tu : Là sáu phép ba-la-mật để hóa-dộ chúng - sanh. Song đã nhận rằng mọi sự vật đã do đối - đãi mà thành, tức nhận mình người không khác, cho nên trong lúc tu vẫn xem chúng sanh như mình, đều là tự-tâm biến hiện, như huynh, như họa; tu như thế cho đến chỗ vô-cống dụng đạo, nghĩa là thật không cần tác-ý mà vẫn làm Phật sự, lúc bấy giờ sẽ lần thành Phật-quả, địa - vị cứu - cánh trong đường tấn-hóa.

III. HAI THỪA

Trừ nhân-thừa và thiên-thừa là hai lối tu để

chứa phước-dức, hai thừa sau tuy có cao hơn và chứng các quả A-la-hán, Bích-chi Phật, cũng đã giác-ngộ và giải thoát hơn thế-gian vô cùng rồi. Nhưng các vị tu theo Thanh-văn, Duyên-giác phát-tâm nhỏ hẹp, chỉ muốn giải-thoát cho mình, nên thường lẩn tránh-tu theo các phép tiện-ước, nên chưa thật tự tại. Trái lại, Bồ-tát muốn vừa tự-giác, giác-tha, tự-lợi, lợi tha, nên thường tu các phép tích-cực. Vì theo chỗ phát-tâm rộng hẹp, theo chỗ ảnh hưởng mạnh hay yếu, theo chỗ kết-quả rốt ráo hay không, mà chia ra làm hai thừa là Tiểu-thừa và Đại-thừa. Tiểu-thừa thường chỉ về lối tu tiêu-cực của hai bậc Thanh-văn, Duyên-giác. Đại-thừa chỉ lối tu tích-cực của Bồ-tát.

Tuy thế, xét trong năm thừa mà luận, thì đối với Đại-thừa, Tiểu-thừa cũng như các thừa dưới chỉ là một từng bậc chắc chắn để đưa kẻ tu-hành lên từng bậc trên mà thôi. Song vì lâu đời có nhiều sự tương sai khác, nên dễ lầm nhận như lưỡng hai phái khác nhau.

IV. PHÂN TÍCH CÁC SỰ SAI BIỆT CỦA TIÊU-THỪA VÀ ĐẠI-THỪA

A) Thời-đại phát-triển. — Xét theo lời Phật dạy trong thời đầu tiên là thời Hoa-nghiêm thì chỉ có một thừa là dạy thẳng cho thành Phật : nhưng sau vì căn-cơ thấp kém không lãnh-hội được, nên Phật dạy Tiểu-thừa (thời A-hàm) đến lúc căn-cơ thuần-thục thì Phật dạy Đại-thừa (thời Phương Đẳng, Bát-nhã) để đưa lên. Sau rồi Phật quy cả Tiểu-thừa và Đại-thừa về Phật-thừa (thời Pháp-hoa). Xem như thế đã rõ dân Đại-thừa, dân Tiểu-thừa đều là các phương-tiên để độ chúng-sanh thành Phật mà thôi.

Xét như vậy thì rõ Phật dạy đủ cả các phương-

tiên tu-hành, song vì căn-cơ của dân Ấn-độ hiệp với Tiểu-thừa hơn, nên Tiểu-thừa thịnh. Sau vài trăm năm, cơ-duyên thuận-thực, Đại-thừa mới ban-bổ ra. Sự phát triển trước sau ấy tưởng không có gì là khó hiểu.

Xứ Ấn-độ là một xứ phân giai-cấp rất cách-biệt, có hạng Brahmane là hạng tu-hành theo đạo Bà-la-môn, rất thông-minh và trong sạch. Thứ đến Kshatriya là vua chúa chiến-sĩ, Thứ nữa hạng Vaicya là hạng thương-gia. Thứ nữa hạng Coudra tức dân-chúng. Còn dưới hết bọn Parya bị ruồng-rẫy như súc-vật, vì thể dốt nát vô cùng. Xem thể xứ Ấn-độ có thể tiêu-biểu cho hết thấy các căn-cơ trong loài người, Phần cao-siêu của Thánh-giáo, chỉ được hạng thông-minh và thiện-căn lớn là Bà-la-môn lãnh-hội, còn phần đông chỉ theo lối tu cầu phước, nhân, thiên, hoặc tu để tự-giải-thoát lên Niết-bàn. Vì thế Tiểu-thừa rất thịnh, nhưng sau khi Phật nhập-diệt vài trăm năm, có nhiều cơ-duyên làm cho thánh-giáo Đại-thừa ban-bổ ra.

1) Bồ cứu sự thiên chấp của Tiểu-thừa. Lâu đời xa Phật, Tiểu-thừa quá cố chấp về phần tiêu-cực nhất định một lối tu xuất-gia giữ giới, không biết cách tùy-duyên hóa-độ, cho nên giữa đại-chúng có nhiều bậc đại-thiện-căn, có thể giác-ngộ được mà không tu, vì lối giáo-pháp tiêu-cực của Tiểu-thừa không thích-hợp với đại-tâm của họ. Vậy cần phải có lối giáo-pháp lịch-cực của Đại-thừa mới làm cho các vị ấy phát tâm được.

2) Phổ-độ chúng sanh. Lâu đời xa Phật, lại vì giáo-pháp thiên về lối tiêu-cực, nên lòng tin của quần chúng đã hơi phai-lạt; vì thế Thánh-chúng phải truyền Đại-thừa ra để các kẻ dục-vọng nhiều, chưa hề ra giải-thoát cũng có thể lần lần tu tập từ tục

páo chân mà được giải-thoát.

3) **Nhiếp phục ngoại đạo.** Ấn-độ là một xứ rất giàu tôn-giáo, triết-lý, nhiều thuyết-lý cũng rất cao siêu, như *Thăng-luận*, *Sổ-luận*, cho nên giáo-lý của *Tiêu-thừa* không đủ để nhiếp-phục họ. Vì thế rất cần truyền-bá *Đại-thừa* để nêu rõ các lý rối-ráo của *Phật-giáo* mà đánh đổ các là-thuyết.

4) **Hoằng-dương chánh-pháp.** *Tiêu-thừa* là một lối tu tiểu-cực, tất nhiên chỉ hóa-độ cho một số ít người có duyên với *Phật-Pháp*, muốn cho đạo bành-trướng, tất nhiên phải có lối kết-đuyên tích-cực mà lối ấy chỉ tìm thấy trong tứ-nhiếp pháp (bố-thí, ái-ngũ, lợi-hành, đồng-sự) lục-độ (bố-thí, tri-giới, nhẫn-nhục, tinh-lần, thiền-định, trí-huệ) của *Đại-thừa*.

Đại-thừa Phật-giáo được truyền ra đầu tiên do Ngài *Mĩ-Minh Bồ-tát* với các bộ luận như luận *Đại-thừa Khỉ-tôn*. Sau có Ngài *Long-Thọ, Đề Bà* xướng thuyết lý « chân không » để phá « hữu chấp » các Ngài *Vô-trước, Thiên-Thân* với các bộ luận như *Thành-duy-thức*, xướng lý « duy-thức phi-vô » để phá « Không-chấp ». Nhờ các Ngài mà lý trung-đạo của *Phật-giáo* được rõ bày và làm cho không lý-thuyết nào chống lại với giáo-lý của *Phật*.

B) **Kinh-tạng.** *Tiêu-thừa* truyền-bá giữa công-chúng trước, nên kinh bằng lối chữ phổ-thông là *Pali*, *Đại-thừa* trước chỉ truyền trong các bậc hiền-triết nên chép bằng chữ *Sankerit*.

C) **Hình-thức.** Về hình-thức hai lối tu theo *Đại-thừa* và *Tiêu-thừa* sai khác rất rõ rệt. Cả xét các lãng-đồ, tín-đồ và lối thờ-phụng ở các xứ tu theo *Đại-thừa* như *Tàu, Nhật, Triều-tiên, Việt-nam*, và các xứ tu theo *Tiêu-thừa* như *Lào, Cao-mên* và *Thái-lan* thì cũng được rõ.

1) **Lễ-ngghi.** Các xứ *Tiêu-thừa* thường thờ tượng

Phật Thích-Ca mà thôi, không chỉ thờ trong chùa, có lúc thờ Phật giữa trời, như bên Thái-lan lại khắc tượng Phật vào các hòn đá tự nhiên ở các động các núi. Sự cúng-lễ đơn giản thường chỉ có hương, hoa. Thờ như thế vì theo quan-niệm Tiểu-thừa, Đức Phật Thích-Ca là một bậc cao-siêu trong loài người, Ngài nhờ tu-tập đã giải-thoát, nay cơ-duyên hóa-độ ở cõi ta-bà đã xong, Ngài đã nhập Niết-bàn ứng-hiện về một thế-giới khác, không quan-hệ gì đến cõi ta-bà nữa. Thờ Ngài chỉ là kỷ-niệm một vị Thánh-nhân, một bậc Đạo-sư, chứ không phải để nhờ Phật-lực hộ-trì, hoặc tiếp dẫn. Vì có quan-niệm ấy mà các vị tăng-già tu theo Tiểu-thừa cho rằng mình phải tự-lực mà tu thành Phật, ngoại-duyên chỉ là giáo-lý của Phật để lại, chứ không có sức gì ngoài sự cố-gắng của mình. Cũng vì tin Phật nhập-diệt rồi thì không còn quan-hệ gì đến mình nữa, nên tin-đồ các xứ Tiểu-thừa chỉ trồng cây nơi tăng-già, tin-tưởng ở nơi sức hóa-độ của chư-lăng, tụng-kinh cúng-dường Tăng như các vị Phật sống.

Quan-niệm của Đại-thừa về Phật khác hẳn : tin rằng dù Phật Thích-Ca nhập-diệt đó cũng chỉ là ứng-thân của Phật ẩn đi, chứ lúc nào Phật cũng vẫn thường còn và hộ-niệm cho chúng-sanh. Dù Phật có ứng về một thế-giới khác, Phật cũng vẫn hộ-trì cho chúng ta, và vô-lượng đức Phật ở vô-lượng thế-giới cũng vẫn hộ-trì cho chúng ta. Vì thế cho nên các vị Đại-thừa thờ nhiều Phật như Đức Di-Đà, Di-Lặc, Dược-Sư v. v. . và cũng vì tin sức Phật luôn luôn hiện-tại để chứng-minh và cứu độ, nên tin-đồ cúng-dường tượng Phật như một đức Phật sống, y-sết, tụng-kinh, và có các lễ-nghi có ý cầu sức hộ-trì của chư Phật, như Tịnh-độ, cầu-an, cầu-siêu.

Nếu tin-đồ Tiểu-thừa thờ tăng và xem Phật như

Thánh-nhân đã quá-vãng, thì Đại-thừa lại thờ Phật như còn tại-thế, và xem tăng như các vị đang tu hành cho chứng-quả mà thôi.

2) Lối sống của tăng-già. Cũng do sự tin Phật sai khác, mà sự đối-dãi của tín-đồ với tăng-già cũng khác. Vì tín thờ tăng-già như Phật sống, nên tín đồ Tiểu-thừa thường chỉ cúng-dường Tăng để cầu đất diu bảo-hộ. Vì thế nên các tăng phải đi khất thực để làm phước-diễn cho tín-đồ. Các tăng lại mặc y vàng là y của Đại-chúng-bộ tỏ mình là thay mặt cho Phật.

Ở các xứ theo Đại-thừa, các tín-đồ chỉ thờ cúng chủ-y cúng-dường Phật, sự cúng-dường tăng là phụ thuộc, nên nhiều vị tăng phải có của riêng, có lúc phải tự làm lụng vất vả mới đủ sống. Y của các Ngài mặc cũng dùng thứ hoại-sắc, là thứ của Thượng-tọa bộ, tỏ mình là đệ-tử của Phật.

3) Lối tu. Các tăng Tiểu-thừa tin có vô-minh thật, có cảnh Niết-bàn thật, nên thường ưa lẩn trốn-lạc, tu phép ly dục, dứt phiền não, thường cũng hay tu khổ hạnh, cũng vì thế mà tín phải xuấ gia mới thiết được giác ngộ, và cũng chỉ giảng Phật Pháp cho ai có duyên với Phật Pháp mà thôi. Các tăng trên Lào thường hỏi các người đến thỉnh pháp : « Người có tin Phật không ? » Nếu trả lời có, mới được dạy về.

Các tăng ở xứ Đại-thừa ít khếp theo luật hơn lại thường giao-thiệp rộng, tham-khảo thế-pháp. Nhờ các sư tu thuở xưa rất thông nho, và đời nào cũng có sư giỏi thi, họa. Hiện nay các sư Trung-hoa Nhật bản, nhiều bậc rất thông hiểu thế-sự, biết nhiều thứ tiếng và tham-khảo khoa-học nữa.

4) Giáo-lý : a) Về vũ trụ : Tiểu-thừa nương vào Tú-đế mà dạy cho người thoát khổ, vì nhận thức

đời hiện khổ, điều cốt yếu là thoát khổ, ngoài điều thoát khổ ra, các điều khác toàn là phụ-thuộc, là vô-bổ, không đáng lưu-ý. Vì thế Tiểu-thừa dạy phương pháp tu nhiều hơn là lý-thuyết, vì thế thực-thể của vạn vật lý-do của vũ-trụ không bàn đến. Cũng có kinh dạy cho biết sự vật đều do 4 môn cực-vi tứ-dại là : địa, thủy, hỏa, phong hòa-hiệp mà hiện thành, song xét kỹ đây cũng là một phương-tiên để giúp tu cho thoát khổ, chứ thực-tâm người tu theo Tiểu-thừa cũng như thất-ý của giáo-pháp Tiểu-thừa không đề ý đến lý-do sự vật bao nhiêu.

Đại-thừa có quan-niệm rất đổi-dào về sự vật vũ-trụ. Vũ-trụ chỉ là một danh-ngôn không thật, vì nó vô cùng vô tận ; cái có hình-trạng ta nhận biết được thì gọi là thế-giới. Các thế-giới thì vô cùng, vì nó tùy theo nghiệp của mỗi loài mà hóa ra mỗi khác, chứ thế-giới của loài cá không phải là thế-giới của loài người. Các nghiệp gần tương tác nhau thì tạo ra những hình-tượng thế-giới gần giống nhau, vì thế in tưởng sống chung trong một thế-giới. Trong thế-giới ấy in tưởng có những sự tương tác mà nhóm chúng sanh ấy đều công nhận như nhau, lại cũng có nhiều phần tùy theo biệt nghiệp của mỗi chúng sanh mà có khác. Ví dụ tuy trong cảnh-giới chung mà vẫn có phần riêng, trong riêng vẫn có phần chung. Như đều là người thì ai ai cũng thấy có trời đất sông núi, song người cận-thị, người lòa thấy khác nhau, người chi-sĩ, kẻ thương dân, người tri thức, kẻ ngu-si thấy cũng khác nhau (Thủ-lãng-nghiêm).

Nói rất ráo, sự vật chỉ do thức-duyên mà hiện, nếu không có cái tâm-thức nhận-biết phân-biệt thì sự vật còn biến-hiện sao được, cho nên nói rằng thế-giới duy-thức-biến. (Thanh-duy-thức)

Vậy đại-đề Đại-thừa đều cho sự vật giữa vũ-trụ như là

huyền, như hóa, duy tâm hiện, và tùy tâm mà biến-đổi

B) Nhân-sanh. — Sự vật đã không thật thời đi, đuổi theo sự vật là si-mê, vậy phải trừ-bỏ vật-dục sự vật đã duy-tâm thì phân-biệt tâm-cảnh là si-mê phải trừ khử các vọng-chấp năng, sở ; sự vật đã duy tâm mà biến-hiện, vậy kẻ chứng được duy-tâm ta chuyển được vật, thay đổi được sự vật và thế-giới. Vì nhận thế cho nên Đại-thừa cho đời người có cá giá-trị đặc-biệt có thể từ địa vị nhỏ yếu của chúng sanh tiến đến địa-vị cứu-cánh hoàn toàn tự tại.

Tiểu thừa không rõ thế, tánh, dụng của tâm, nên thấy có vô minh ràng buộc, có cảnh Niết-bán an vui không biết vô minh. Niết-bán cũng chỉ đối đãi mà có mà có đối đãi thì có tâm so đo chấp trước. Khác thì Đại thừa cho rằng : « Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức », « tâm sanh chủng chủng pháp sanh, tâm diệt chủng chủng pháp diệt », nên có thể tu đến quả vị tự tại, trong vô minh vẫn Niết-bán, trong Niết-bán vẫn khỏi vô minh đại dụng độ chúng sanh.

C) Về lối tu. — Vì có quan niệm phải dứt tu tập khi dễ thoát khổ, nên Tiểu thừa thường lo giữ giới. Còn Đại thừa cho rằng không chỉ giữ giới mà chúng ngộ được, nên biết thực hành các phép Phật dạy là được. Pháp-môn của Phật đã vô-lượng tùy duyên mà tu, tào phải nề gì một lối trì giới. Cho nên tu theo Đại thừa không cần xa cảnh tục ; Có kẻ tin nơi Phật lực mà nhờ Phật hộ niệm (Tịnh độ), có kẻ trông nơi sức bí mật của Phật (Mật Tông), có kẻ tu theo lục-độ, chỉ giữ tâm giới, không sự tướng của nhiệm hạnh mà thiết thiết « dứt tu tham trước » (détachement) như Ngài Duy-Ma-Cát ở Cao lâu, từ điểm vẫn tu và vẫn cứu độ chúng-sanh.

D) Quả-vị. — Tiểu-thừa chỉ mong đến nơi không vào thế-giới cực-lạc. Còn Bồ-tát tu theo

hạnh của Đại thừa, thì tu đến chỗ toàn trí, toàn năng thần thông tự tại, chuyển biến vũ trụ, phân thân ứng hóa vô lượng, đề độ chúng sanh như Phật, cứ vẫn tùy duyên mà bất biến, bất biến mà tùy duyên. Đại dụng độ sanh lớn lao thâm diệu ấy, chúng sanh căn trí hẹp không bao giờ nhận được, nên gọi là dụng bất tư nghị.

KẾT-LUẬN

Xem như thế thì Tiểu-thừa cho rằng dứt hết phiền-não là chứng Niết-bàn nên chỉ lo tự cứu mình. Đại-thừa, trái lại, cho như thế là trái với ý Phật ; vì xét Phật đã nhiều đời tu vạn-hạnh ba-la-mật thì biết việc tự-giác mới là nửa đường tiến-hóa, còn phải giác-tha cho viên-mãn mới trọn vẹn. Vì thế tâm-niệm Đại-thừa đúng với lý từ-bi cứu Phật, đúng lý của Pháp-tánh mà phát-nguyên độ-sanh, chứ không có tánh-cách riêng biệt như Tiểu-thừa.

Sự sai khác này thật ra cũng tại Tiểu-thừa không nhận thấy hành-tướng của độ bát-thức và Pháp-giới-tánh. Trái lại, Đại-thừa về tướng, biết rõ bát-thức, về tánh, nhận chân-như bất biến mà vẫn tùy duyên, nên hay dung-hòa :

1) Dung-hòa với căn-cơ tánh-tĩnh mọi người, không nhất-định như Tiểu-thừa, thành có lúc in tuồng sai đạo.

2) Dung-hòa theo hoàn-cảnh, vì thế, giáo-lý thường bị hiểu sai lạc, và lối thờ tự hay xen-lộn với ngoại đạo, hay thường bị nghi là đa thần.

Nhưng Đại-thừa tin ở sức mạnh của Phật chủng-tử, hễ gieo giống ấy rồi thì trước sau chủng-tử ấy cũng hiện-hạnh mạnh-mẽ.

Chúng cho các điều trên này, có các điều-kiện lịch-sử : Đạo Phật qua Tàu tham-hòa với Khổng-giáo và nhận thấy Khổng-giáo không khác phần Nhân-thừa, nên chỉ chuyên truyền-bá phần cao siêu xuất-thế-gian. Tham-hòa với đạo Lão thành có nhiều lối phủ-phép. Qua Nhật tham hòa với

đạo Shin'oisme nên có tánh-cách quốc-gia. Ở Ấn độ ảnh hưởng với Bà-la-môn thành Hindouisme. Còn ở Việt-nam là xứ có Khổng-giáo, lại dân tâm sẵn có lòng ái quốc-mạnh, nên đạo Phật có tánh-cách quốc gia và tham-hòa với Khổng-giáo mà giáo hóa. Vì dung-hòa như vậy nên Phật-giáo đã mất nhiều tánh-cách thuần-túy, nhưng nhờ sự tham-hòa ấy mà các đạo khác, bởi cách độc đoán, hẹp-hòi và nhân-tâm được thêm-nhiêm ảnh hưởng từ-bi. Song về sự thi có tham-hợp mà về lý nhờ các bộ kinh luận chắc chắn, được các Thánh-chúng giữ gìn, các vị Đại-trí-thức hộ-trì làm nền-tảng cho các sự tuồng sai khác, do dung-hòa kết thành kia. Cái lý của đạo Phật là chỉ sự thật cho kẻ nào muốn biết đề tiến hóa, theo được thì tiến, không theo được thì sa-đọa, công-dụng rõ-ràng ai thực tâm tu học đều nhận thấy. Cho nên Phật-giáo (nhất là Đại-thừa) đổi theo cơ duyên hiện-đại, lý-trí mở-mang, sức hoạt động mạnh-mẽ, có cơ nổi lên mạnh được. Song đạo Phật tuy chia hai thừa Tiểu và Đại, sự chia ấy chỉ là hai mặt của Đạo mà thôi, chính hai thừa đã ủng-hộ lẫn nhau mà duy-trì Phật-chúng.

1) Tiểu-thừa có phần cách biệt không dung-hòa hay giữ được phần thuần-túy của Phật-giáo, duy-trì cho Phật-giáo lúc suy, như gốc cây trong lúc trời đông Đại-thừa như sức sống mãnh-liệt làm nảy-nở hoa quả lúc mùa hè.

2) Tiểu-thừa hiệp với căn-cơ tĩnh (passif), Đại-thừa hiệp với căn-cơ động (actif) đủ phương đề độ cho hết tảo mọi cơ. Vả dù động, dù tĩnh đều đúng với tính thần đạo. Tĩnh là chỉ-ác, động là hành-thiện. Chỉ-ác hoặc hành-thiện đều có công-năng lợi-ích cho mình, cho người đề cùng nhau tiến tới trên con đường giải-thoát cả.

Vậy ta không nên phân-biệt Đại-thừa, Tiểu-thừa, hiệp lối nào thì tu theo lối ấy, đừng có sai khác, như thực tâm tu-tập thì đều đến Phật-quả.

PHẠM-HỮU-BÌNH

Trong Đoàn Phật-học Đức-Dục

TƯ - ĐẾ

Tứ-đế là bốn điều chính cần phải nhận cho rõ ràng xác thực, nếu muốn được lối sống hoàn-toàn của Phật.

Khổ-đế chỉ rõ chỗ khuyết điểm của đời ta hiện sống. Tập-đế cho ta biết nguyên nhân các nỗi khổ kết tập từ đâu. Cầm thấy các khổ, tập, cần phải đoạn diệt, hiểu thấu các đường tu Phật đã chỉ dạy để thoát khổ cho rốt-ráo, tức là nhận được Diệt-đế là Đạo-đế.

Tứ-đế chính là bốn phép mẫu-nhiệm ; đem giảng cho năm vị Sa-môn lần đầu tiên, Ngài quay bánh xe pháp. « Nay các Sa-môn, bốn phép mẫu ấy từ khi ta thông tỏ, trong vòng nhất thế chúng-sanh, ta đã được tới bậc chí-tôn là Phật. Nhận biết như thế rồi, tâm-hồn ta được vô cùng giải-thoát, đời này là cuộc sinh cuối cùng của ta. »

Tứ-đế là tinh-hoa của đạo-lý. Tiều-thừa, vua A-Dục lúc dựng 84000 tháp trong khắp cõi Ấn-độ, thường khắc vào tháp một câu chữ phạm : « muôn ngàn khổ não đều có nguyên-nhân, Như-lai dạy rõ nguyên-nhân, lại dạy cách trừ-diệt, đó là đạo tối huyền-diệu của đức đại Sa-môn. » Câu ấy chính chỉ về nghĩa Tứ-đế.

KHỔ ĐẾ

Nói đến Khổ-đế, người ta nghĩ đến những người cung-tần xót-xa phận hương sâu phẫn tử mà ngâm câu thơ, não-nuột :

Nghĩ thân phù-thế mà đau,

Bọt trong bể khổ bèo đầu bến mê.

Người ta tưởng đến thi-sĩ Baudelaire hăm-hực viết trong buổi tâm hồn đen tối : « Đời còn có kẻ tưởng mình sống, ngu-dần đến thế được ư. » Cho nên lắm người lắm coi đạo Phật là đạo của những kẻ bạc-nhược ấu-sầu.

Nhưng ta hãy xét Phật là người thế nào. Phật đầu phải là một cu già đa-cảm, chiếu màu âm-đạm của lòng mình ra khắp vũ trụ, hay là một kẻ chán đời vì một nỗi đau-đớn âm-thâm. Phật là một vị trẻ trung cường-tráng, sống trong cảnh giàu sang, Ngai thấy cái khổ ở đời chỉ vì một tri sáng suốt khác phàm.

Phật nói : « Sinh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, không ưa mà hợp là khổ, muốn mà không được là khổ v. v. Cái khổ ở đời thật là vô-hạn. Nước mắt chúng-sanh trong ba nghìn thế-giới, đem chứa lại còn nhiều hơn là nước bể khơi. »

Ta thử ngâm nghĩ lời Phật dạy

Lặng mà nghe, kia vắng vắng bên tai tiếng than của mọi vật : tiếng rống thảm thiết của con bò sắp ngã vật dưới lưỡi búa của đồ-tể, giọng khắc-khoải của con chim lạc tổ.

Nói riêng về người, từ lúc mới sinh ra o o ba tiếng đã khổ, chui từ trong bụng mẹ ấm áp ra chỗ nhớp-nhụa, lạnh lẽo, đưa trẻ bång hoàng trước một thế-giới mới lạ. Lớn lên chịu nóng chịu lạnh, trải bao những cơn khát sữa, đói cơm.

Rồi cả đời bao lần phải bần khoản vì thân xác, phải tranh dành phải chài-vật mà sống.

Vì lo cho mình được no đủ, phải làm khổ phải cướp đời sống bao nhiêu sinh vật khác. Vì lo cho thân xác được hoàn toàn nao có dễ gì, không có bộ máy nào khó giữ bằng thân người : ăn không tiêu, uống ỉnh bụng, ở nguồn cao nước độc hay bị tai nạn bất thường thế là sinh ra đau ốm yếu-hèn. Đời người như ngọn đèn trước gió... Dù ở chốn nhà xiên vách nát hay ngũ nơi trường phủ màn che, mấy ai chưa từng bị bệnh tật làm khổ : đây là con nòi cảnh thương, không kể đến những người mù điếc, què quặt, kéo lê một đời thiếu-thốn tối-tăm.

Đến lúc đã già, mắt lòa chân chậm, răng rụng

lưng còm, người chỉ còn là cái bóng, chẳng làm được việc gì, chỉ sống thừa để chờ chết. Cái chết không cầu nó cũng đến. Mấy ai sống quá trăm năm! Nhưng chết đến nơi thì khùng khiếp quá! Kia chiếc quan-tài giá ngất, kia côi âm-u thăm thẳm như vực! cổ bầu vuu lầy đời để sống thêm một vài phút! không được, mắt đã đờ ra và hơi tắc đi giữa những tiếng kêu gào.

Một mình vài quang, ba thước đất nện, thế là xong.

Có thân phải khổ theo thân : sống, đau, già, chết, có hình-hài là phải chịu.

Nhưng vẫn chưa hết. Cùng với thân vô-thường mà mê ly chìm nổi, người ta còn tự tạo ra bao nhiêu nỗi khổ. Tùy theo thân mà ưa ghét, tùy theo thân mà ham muốn cầu mong. Kẻ thì cả đời rong ruổi cầu cảnh an-nhàn, kẻ thì thiên phương bách kế mong được lợi danh, rồi không được chán nản thì buồn, được một phần cầu được gấp hai, khiến cả đời ngược xuôi điên-đảo.

Được rồi mắt di cũng khổ, được rồi giữ cho đừng mất cũng khổ, được luôn không mất cũng khổ vì sinh nhảm.

Thương muốn gần không được, lúc dứt ra đi, nỗi biệt-ly chưa hết nỗi sầu, lại dồn thêm cái buồn mong nhớ, cái buồn đắng đặc, khiến người hóa dại, hóa ngây. Ghét muốn tránh lại phải luôn luôn chung cùng đeo đuổi.

Bã thế lại còn những nỗi khổ về tướng-tượng. Như đưa trẻ con từ bồi nhẹ vào mặt, nhìn vào gương khiếp sợ mà bỏ chạy.

Cũng có lúc tâm hồn bỗng-bột vì những tư-tưởng thanh cao, nhưng thân xác và bao nhiêu điều mê lầm chứa chất từ muôn kiếp đến nay, vẫn đeo nặng bên mình : biết bao nhiêu người đã thối ra cầu than tuyệt vọng của Saint-Paul : « Điều thiện tôi ham, tôi không

tâm được, tôi ghét điều ác mà vẫn phạm vào.

Khổ vì thân, khổ vì tâm, không ai là không khổ. Những kẻ người tưởng là sung sướng nhất trong đời chỉ như mặt trăng buồn tẻ lạnh lùng dưới một bề ngoài rực-rỡ. . . « Từ đây bắt đầu một cuộc đời hoàn-toàn sung sướng », đó chỉ là một câu sáo kết thúc những chuyện tình và những chuyện cho trẻ con xem !

Tuy thế, người đời chẳng phải là một bãi tha - ma hiu quạnh ; bên cái khổ vẫn có cái vui, dù là cái vui được miếng ăn ngon dù là cái sướng làm nên một công trình tốt đẹp, ai cũng đã nếm vui ít ra một hai lần. Nhưng cái vui chốc lát làm sao ? Người học-tro được nghỉ ngày chủ-nhật, chỉ thật sướng trong một phút buổi chiều thứ bảy lúc anh khoan khoái thoe dài.

Nhà nghệ-sĩ chân thành vừa tạc xong pho-tượng, đương say sưa ngắm công-trình mình, đã thấy trong lòng tấn-tức bất-khoan, vì ý mình chưa thỏa. Những nỗi vui ở đời chẳng khác cái sướng thấp thỏm của người gãi ghê. Gẫm đến những nỗi vui ấy càng thấy rõ rệt lối sống của ta hiện nay là khổ. Trên chiếc màn tang, mấy giọt lệ bạc long lanh chỉ làm tăng màu đen ù-rũ. Càng nghĩ sâu về đời càng thấy khổ.

Giá đừng nghĩ nữa có hơn không ? Có lẽ đời không khổ, cũng không sướng, chỉ tâm trí ta thấy khổ hay sướng thôi. Hồn nhiên mà sống, ắt bao nhiêu nỗi khổ về tâm trí sẽ tự rụng tiêu-tan.

Vì thế ông Renan đã có lần nói « Không nên mở mang trí-thức của quần-chúng, vì trí càng cao, khổ càng thêm. » Nhưng sống không nghĩ ngợi, chỉ là thay vào những mầm khổ của tâm-trí, của tính-thần, những nỗi đau-thương, thô-thiển hơn của vật-chất. « Ấu đanh chịu khổ, để cho tâm trí được cao, thế còn hơn » Đau-đớn thay lời kết luận của ông Renan !

Không còn lối sống nào vừa sung-sướng, vừa

thỏa được tâm-trí hay sao? Các nhà hiền-triết sẽ trả lời : có, vì biết-bao triết-lý từ xưa tới nay, đã cố dung hòa hạnh phúc và lý-trí.

Bao nhiêu việc xảy ra trong trời đất, thành phúc hay thành họa chỉ vì ý ta. Đối với mọi việc biến-cổ ta cứ thản nhiên, thì còn đau là tai-ách, còn đau là khổ ải. Lý-luận một cách chặt chẽ như thế, những nhà hiền-triết khắc-kỷ (stoiciens) như Ténon, như Chrysippe tự cho đã giải được vấn-đề đau khổ cho nưon-loại. « Hỡi đau thương, mi chỉ là một tiếng nói ». Lý tuy cao, nhưng thực-hành biết có được như lời ! Ta muốn thản-nhiên, ý và thân nào có dễ ta yên : « Chịu đi, nhịn đi » lời hiệu lệnh nghiêm-khắc của các nhà khắc-kỷ phải chẳng dễ chứng rõ rằng đau thương không thể trừ bằng lý-luận.

Phật chỉ cho thấy điều khổ và nguyên-nhân của khổ, ta có thể theo lời Ngài dạy, đem lý-trí mà suy xét. Nhưng lý-trí rất yếu hèn trước các nỗi mê-lầm rất sâu nặng, đã kết-tập biết bao nhiêu đời ! muốn hoàn-toàn theo đúng lý ta đã nhận, ta phải-từ-theo các phương pháp Phật truyền, các phương thuốc giải khổ ấy có thực nghiệm không ? Ta có thể tin chắc là có, vì chính vị truyền những phương ấy cho ta là một vị hoàn-toàn thoát-khổ.

TẬP - ĐỀ

Các chúng-sanh luân-quần mãi trong vòng luân hồi khổ-sở chỉ vì các điều mê-lầm kết-tập từ trăm đời nghìn kiếp.

Tiêu-thừa chia các điều mê-lầm ra hai loại lớn.

Suy xét phân biệt mà lầm gọi là kiến-hoặc (hay vọng-kiến, hay lý mê.) Những điều mê-lầm sâu hơn, từ lúc bầm sinh vốn đã có, gọi là tư-hoặc (hay mê tình, hay sự mê)

Kiến-hoặc chỉ thuộc về lý-trí, có thể đoạn

trong lúc tìm học để hiểu đạo : tư-hoặc là những tình, nhiều khi rất nhỏ - nhiệm, đã kết chặt sẵn trong thân-tâm của người, nên phải tu tập mới dứt bỏ được. Người đoạn được kiến-hoặc còn có thể lầm trong lúc xuất kỳ bất ý ; vì bỏ được các tư-hoặc mới thật lên được bậc cao, những lúc hồn-nhiên hành động, tâm-tri không chuyên chú, cũng không phạm vào mê lầm nữa.

Kiến-hoặc sinh ra do mười điều, gọi là **mười kiết-sử** (kiết : giữ buộc, sử : sai khiến) luôn luôn ràng buộc sai khiến ta, không cho tiến lên.

Mười kiết-sử chia ra hai thứ : ảnh-hưởng rõ ràng ở ngoài gọi là **lợi-sử**. Ảnh-hưởng thầm kín ở trong gọi là **độn-sử**.

Năm lợi-sử là :

1) **Thận-kiến** : nhất định nhận xác thân chật hẹp làm mình.

2) **Biên-kiến** : thấy có thường, có đoạn. Tưởng rằng con người chỉ sống một đời, đến chết là hết, nhân đây sinh ra chán nản, không chịu trau-dồi trí - huệ và đức hạnh, đó là đoạn-kiến sai lầm. Tưởng một cách không xác-thiết rằng người sau lúc chết vẫn còn sống mãi với một cái bóng của thân-thể, với linh-hồn đó là thường kiến.

3) **Kiến-thủ** : cố chấp ở nơi tri-kiến sai lạc theo nghiệp mình.

4) **Giới-cấm-thủ** : cố chấp những tập-tục của tà-giáo, ví dụ giết sinh vật để tế thần.

5) **Tà-kiến** : nhận sai không đúng lý.

Năm độn-sử là :

1) **Tham** : đeo đuổi những điều ưa thích, bao nhiêu cũng không vừa.

2) **Sân** : bất bình, kháng cự.

3) **Si** : ngu-si, không nhận được chân lý.

4) **Mạn** : đưa mình quá địa-vị. Có 7 thứ :

- a) **Mạn** : hơn người ta ít, nghĩ hơn nhiều.
- b) **Quá mạn** : bằng người ta, cho là hơn.
- c) **Mạn quá mạn** : thua người, cho mình hơn.
- d) **Tự-liệt mạn** : tự biết mình hèn-kém, nhưng cũng cho người ta hèn kém như mình.
- e) **Ngã mạn** : quý mình hơn mọi người mọi vật.
- f) **Tà mạn** : do biết được các tà-thuật, tà giáo mà tự nhận là hơn người.

g) **Tăng thượng mạn** : mạo nhận những vị-trí mà thiệt mình chưa chứng ngộ trong đường tu-hành.

Người có tính mạn là người hẹp-hòi, như chiếc chén nhỏ, chóng đầy, tự cho là đủ nên không tiến được.

5) **Nghi** : trong lúc học hỏi, không ai khỏi nghi ngờ, càng nghi nhiều về sau chứng nhận càng rõ ràng, chắc chắn. Nhưng nghi nghi, ngờ ngờ, dưng dưng, không chịu tin những điều đã rõ-rệt (nghi pháp), không tin ở sức mình (nghi tự) thật là một trở ngại lớn trên đường tu. Những điều mê-lắm ấy, chưa thoát được vòng sống chết là còn phải chịu, hoặc nhiều, hoặc ít.

Ở cõi **Dục-giới** (những cảnh đời còn vật - dục như đời ta hiện sống đây) 10 kiết-sử khiến ta không nhận được khổ-đế, 7 kiết-sử (5 độn-sử thêm tà-kiết và kiến-thủ) không cho ta nhận được tập-đế, 7 kiết-sử, (5 độn-sử thêm tà-kiết và kiến-thủ) khiến diệt-đế khó nhận, và 8 kiết-sử (5 độn-sử thêm tà-kiết, kiến-thủ giới-cấm-thủ) ngăn trở ta nhận đạo-đế. Chừng ấy kiết-sử sinh ra 32 phần kiến-hoặc của Dục-giới.

Lên cõi **sắc-giới** (dẹp được lòng vật dục, nhưng còn thấy thân cảnh, hình tướng) và vô sắc-giới (không được cả hình tướng) lòng sân đã dẹp được, nên mỗi giới chỉ còn 28 điều mê (về mỗi đế, bớt một đi vì sân gây ra) 32 điều mê của dục-giới cộng với 28 của sắc-giới và 28 của Vô-sắc-giới là **88 phàm-kiến** hoặc

Tư-hoặc là những nổi mê lắm thắm kín sâu-

gây ra vì các đôn-sữ.

Ở cõi Dục-giới có 4 đôn-sữ sinh ra tư-hoặc : tham, sân, si và mạn. Ở Sắc-giới và Vô-sắc-giới chỉ còn ba, ham si và mạn. Cộng lại thành 10 món tư-hoặc.

Trong ba giới lại chia ra làm cửu địa : Dục-giới có một địa (dục-giới tạp cư địa) Sắc-giới có bốn địa (ly sanh hỷ lạc, định sanh hỷ-lạc, ly hỷ diệu lạc và xả niệm thanh tịnh) Vô Sắc-giới có bốn địa (Không vô biên xứ, thức vô biên xứ, vô sở hữu xứ và phi tưởng phi phi tưởng xứ) trong mỗi địa các tư-hoặc tùy chỗ thô-tế chia ra làm 9 phẩm. Cả cửu địa cộng lại là 81 phẩm tư-hoặc. Xem lối chia thế đó, đủ thấy đạo-lý Tiểu-thừa thực-tế và tinh-tế đến bậc nào.

DIỆT-ĐẾ

Diệt-đế là khổ, tập, diệt, trừ bỏ mọi mê lầm để thoát khổ. Mê lầm bề-bộn, muốn chứng đạo phải loạn dần từng hoặc một ; vì thế đường giác-ngộ chia nhiều từng bậc.

Muốn tiến lên bậc trên phải gạn hết mọi dềnh nhê lầm của bậc mình đang đứng, những điều hoặc ắt nhỏ-nhiệm, cũng có thể ngăn trở mình. Phải hết sức chuyên-tu mới đi được từ Dục-giới lên Sắc-giới, từ Sắc-giới lên Vô-sắc-giới.

Cũng vì lẽ ấy, khi sắp đoạn hết 88 kiến-hoặc của ba giới, phải qua bốn bậc gia-hạnh mới chứng được quả thứ nhất, quả Tu-da-hoàn.

Bốn bậc gia-hạnh là a) **Hoãn-địa** : lửa tri - huệ chưa biểu lộ, như hai đoạn gỗ xát đã nóng hỉ chờ có bụi ngùi là bùng cháy sáng.

b) **Đảnh-địa** : gần thoát cảnh tam-giới, nhưng vẫn còn vướng đôi chút, như người đứng trên ánh núi, cả người lẫn trông khoảng không cao rộng, tay chân còn dính đất.

c) **Nhân-địa** : tri-huệ gần phát dương còn áp-ứng như lòng bất-bình của một người biết nhìn.

d) **Thế-đệ-nhứt-địa** : vị tu đến bậc này đã ra ngoài thế-gian nhiều, như chiếc diều chỉ dính đất bằng sợi dây mảnh, gặp cơn gió mạnh là đứt dây vút bay.

Nhờ 4 môn gia-hành ấy, đoạn được các kiến-hoặc của phi-tướng phi-phi-tướng địa trong vô-sắc-giới mới được quả **Tu-đa-hoàn**. Tu-đa-hoàn nghĩa là **dự-lưu**, ra ngoài hàng phan-tục, dự vào bậc thành-lưu, qua nhiều nhứt là 7 lần sống chết nữa, đến được quả **A-la-hán**. Nhưng Tu-đa-hoàn còn là bậc kiến đạo ; đó là kết-quả tối cao của công phu ý-thức ; bao nhiêu vọng kiến đã tiêu tan, nhân xét không lầm nữa, duy còn có những mê hoặc ám thắm ở bên trong.

Ba bậc sau mới thật là tu đạo, chẳng những ý-thức nhận thấy lầm, mà đoạn được gốc mê-lầm ngay trong thân tâm, hay là nói theo sách Phật, trừ được những chủng-tử sai lầm trong **A-lại-gia-thức**.

Đoạn được 6 phẩm tư-hoặc của Dục-giới, tức chứng được quả **Tư-đa-hàm**. Tư-đa-hàm nghĩa là nhất lai, còn một phen trở lại Dục-giới rồi mới thoát hẳn.

Đoạn hết cả 9 phẩm tư-hoặc của Dục-giới là bậc **A-na-hàm**, hay bất lai, thoát hẳn Dục-giới không trở lại nữa.

Từ bậc ấy diệt hẳn được 72 phẩm tư-hoặc của Sắc-giới và Vô-sắc-giới mới lên được **A-la-hán**. Từ **A-na-hàm** đến **A-la-hán** đường rất dài, nên nhiều vị tu đến quả **A-na-hàm** phải lên **ngũ-tịnh-cư** thiê-tu tập lâu ngày rồi mới chứng quả.

A-la-hán nghĩa là vô-sanh, là phá ác, lại có nghĩa là ứng-củng. Vị **A-la-hán** thoát hẳn vòng luân hồi sanh-tử, dẹp tan mọi điều ác-độc, lại thường luôn sự củng dường của chúng-sanh trong tam-giới, đ gây phước cho kẻ củng. Chứng quả **A-la-hán** tức là chứng quả **Niết-bàn**. **Niết-bàn** (nirvana) có nhiề

nghĩa : Chữ Nir là không có, là ra khỏi, là bỏ đi. Chữ Vana có nghĩa là mọc lên, là lảng vắng bề-bộn, hay là rừng. Nên Nirvana có nghĩa là **bất-sanh** (không mọc lên không sinh ra lại nữa) lại có nghĩa là **tịch-diệt** (yên lặng thuần-túy không bề-bộn lảng vắng như cảnh đời) hay là **giải-thoát** (ra khỏi rừng mê.)

Các vị Tu đà-hoàn, Tư-đà-hàm và A-na-hàm cũng có thể gọi là chứng được Niết-bàn, vì đã có một phần giải-thoát, nhưng chỉ là hữu-dư ý Niết-bàn. Niết-bàn còn xen lộn những mê-làm, nhiều hay ít, tùy theo cảnh giới, nhưng chưa rốt-ráo, còn sót một ít mê-làm, nên còn dư lại phần y-báo.

Đến bậc A-la-hán mới thật là được **vô-dư** ý Niết-bàn, đoạn hẳn mê-làm phiền-não, thoát hẳn ra ngoài tam-giới.

Ra ngoài phạm tục giác-quan và tri-huệ cũng khác phạm, vì không có gì ngăn-ngại được nữa nên mắt thấy, tai nghe suốt cả các cõi, hiểu được ý nghĩ thâm kín của kẻ khác, biết được kiếp trước rất rõ ràng. Nói tóm lại sống ở ngoài khuôn khổ của thời-gian và không-gian ; tri-huệ cũng rộng rãi vô cùng vì không bị một cái ta riêng khác làm hẹp và mờ đi.

Cứ theo Tiểu-thừa, A-la-hán cũng không khác gì Phật, nhưng Đại-thừa cũng cho A-la-hán còn có hai đường : các vị **bất-hối-tâm** độn A-la-hán, suốt đời ở yên trong tịch-diệt ; các vị **hối-tâm** đại A-la-hán, phát Bồ-đề tâm vào Tam-giới độ sanh, tu hạnh Bồ-tát, lập công-đức lớn, rồi mới thành Phật.

ĐẠO ĐỀ

Đạo tức là đường tu - hành để trừ gốc khổ (khổ, lập, diệt).

Phép tu không ngoài ba môn giới, định, huệ. **Giới** là giữ không làm điều ác. Ấc - pháp hai cho người và mình về hiện - tại và vị-lai. Ấc tồn

hại cho người ngay trong hiện-tại, cái đó đã rõ-ràng, nhưng ta quên nhìn các quả hiện-tại, không biết rằng điều ác có hại rất lớn cho mình về sau, vì mỗi lần phát tâm ác, là một dịp cho các mầm ác nảy nở, khiến chính tâm ngày một lem-mờ. Đây là chưa nói đến kết-quả đối-dãi; dùng sức mạnh và oai quyền trong một lúc lẫn áp kẻ khác, rồi sẽ có lúc mình yếu đi, bị kẻ khác làm hại. Song gan sạch đến tối chưa đủ thực ích cho đạo-đức. Vì thế, theo giới không những là giữ không phạm điều ác (chỉ tri) lại là cố gắng làm các điều thiện. (tác tri) lấy lành lẫn dữ, lấy sáng đuổi tối. Muốn giữ một khu vườn cho tốt không phải là chỉ chăm ngồi nhổ cỏ mà được, nhổ như thế chắc gì đã đoạn được gốc. Trồng cây cao, bóng cả rễ mạnh chiếm cả khu vườn, giống cỏ noang sẽ tự rụng không còn nữa.

Định-huệ. Định tức là tu các phép quán, như đây có thể phát ra tri-huệ, nhận được chân-tâm.

Trong ý-thức ta ngày thường, các tướng, cấu tình luôn luôn kế tiếp nhau đổi nhau như trời, như chảy không hề đứng yên; bởi thế mới có chữ : giòng tư tưởng ! Hôm nay ta tắm sông này, đến mai tắm lại vẫn sông ấy, vẫn dòng ấy mà nào phải nước ấy nữa. Lòng ta lưu chuyển chẳng khác giòng sông ; cảm-giác và ý-tướng bùng cháy trong lòng ta hôm nay cũng sẽ thoáng qua như mọi tướng niệm khác, để không bao giờ trở lại y như cũ. Lòng ta vốn thế rồi, nên chú ý là việc kho, lực lượng ta rất tán-loạn, không chuyên vào một việc nên rất yếu.

Phật dạy đường tu cũng chỉ dùng một lý ta vẫn nhận xét. Bao nhiêu người trở nên nghệ-sĩ có tài, hay thành bậc hiền-tr ất sâu xa, chỉ vì biết chuyên-chú, biết dùng toàn lực-lượng mình vào một công việc, biết đeo đuổi một tư-tưởng, một chủ-định vững bền.

Đem hết lực-lượng để nhận đạo (để tu tập)

không cho lậu-mạn ra nhiều nơi tức là chỉ. Giữ luôn một chánh-niệm, một cảm-giác dùng, một tư-tưởng hợp với pháp Phật dạy, không bao giờ dời đổi tức là Quán, Có chỉ, có quán thì tâm mới định.

Có cố đề hết tinh-thần vào đạo như vậy, mới mong một ngày kia, lửa trí-huệ sáng tỏ chiếu khắp trong lòng và ngoài vũ-tru.

Phật từng dạy : biển khổ mịt-mù. quay đầu lại tức là bờ đó (khổ hải vô biên, hồi đầu thị ngạn). Song ta mê lầm quá nặng, nên muốn dứt sạch gánh phiền-não, phải theo những phương pháp rõ ràng có từng, có bậc.

Đây là 37 công tu, giúp ta trừ mê đến giác-ngộ gọi tam thập thất trợ Bồ-đề phẩm Trợ chú không phải sanh, vì tánh giác hay Bồ-đề tâm, ta vốn có, chỉ vì mê mà bị che đi, người tu như kẻ gạn bụi trên tấm gương cũ, làm lộ vẻ sáng của gương, không phải cho gương vẽ sáng. Các phẩm ấy hợp lại thành 7 bộ-phần.

1) Tứ-niệm-xứ : hay bốn chỗ đề cho tưởng-niệm thường nương dựa.

- a) Quán thân bất tịnh.
- b) Quán thọ thị khổ.
- c) Quán tâm vô thường.
- d) Quán Pháp vô-ngã.

Quán có hai phần: quán lý và quan sự. Quán lý là trực nhận chân lý một cách rõ ràng. Quán sự là nhận thiết-thiệt ngay nơi sự vật, giữ vững một niệm trong tâm, khiến mỗi cử tâm động niệm đều hợp với lý đã nhận.

a) Thân bất-tịnh. Thân-thể ta vốn không trong sạch. Từ lúc sinh ra đã như bần. Lớp da chung đụng cùng đất bụi, trùn bọ mọt, nào xương, nào máu, nào ruột. Đề hở không giữ gìn là hôi thúi ngay. Trong thân lưu-hành bao thứ không trong

sạch, luôn luôn bài tiết ra ngoài. Đến lúc chết không đem vui sặc ngay, tức thấy trường hơi, ruồi bâu, giòi rúc, thối tha khó chịu, Nhận lý ấy rồi, người tu-hành phải quán ngay nơi sự vật. Người ấy sẽ không như ta, lùi lại trước một thầy ma, bay trước xác một vật bị phanh mổ, như lùi lại trước vực thẳm vì không chịu nổi ý-tưởng ghê rợn, chính xác mình đây cũng ô-uế chẳng kém gì. Người ấy sẽ đến bãi tha ma, cảnh những quan-tài đề hờ, chuyên chú nhìn, tưởng đến thân mình rồi sau cũng như thế, cũng giòi an, cũng thành xương trắng và thành ra bụi, thanh không. Dưới những thân hình kiều mỹ nhất, người ấy sẽ thấy một nắm xương chắp với nhau, một mớ tủy gân, gan, ruột tanh-hôi và sẽ rữa nát. Người ấy sẽ không quá mê, quá quý, giữ thân mình hay một thân uao khác, nhờ đó rơi thân ra theo đuổi những cái trong sạch và thường còn luôn.

b) **Thọ thị khổ.** Tâm đã rơi được xác thân ô-uế, nhưng hệ còn nhận lãnh vẫn còn khổ, Chịu điều đau đớn, khổ đã đau, Nhận điều mừng vui cũng khổ, vì có gì làm ta vui một lúc mà không cho ta nếm nổi khổ phân ly, nỗi buồn nhem chán. Nhận lãnh tức chịu **khổ khổ** (cái khổ những đau đớn truyền hiển-nhiên) **hành khổ** (cái khổ thấy vật mình quý dần cũ đi, hư đi theo luật lưu-hành của thời-gian) **hoại khổ** (cái khổ thấy vật mình yêu bị tiêu-diệt, cảnh mình ước bị tan ra.)

c) **Tâm vô-thường.** Tâm đã rơi thân ra và không nhận lãnh nữa, nhưng tâm đó chỉ là bóng của lục-thức, tùy cảnh biến-chuyển. Phải nhận tánh vô-thường của các tâm-niệm, không nhận tâm-niệm thiết-thiết tồn-tại được. Nhận được tâm vô-thường, tức là nhận rõ bản-tánh tương-lục bất đoạn của dòng tư-tưởng, không phải thường-trú, không có tự-thể.

d) **Pháp vô-ngã.** Mọi việc cho đến tâm đương

niệm, đều do nhơn-duyên mà thành, không có cái gì đứng riêng mà có, không có cái gì cò tánh riêng hẳn, có tự-tánh. Nhận lý ấy, nên phải bỏ cả nổi tướng thăm kin, cho có thiệt cảnh, thiệt tâm, thiệt pháp, hoặc thiệt có, minh-tu-tập nên giác-ngộ hơn người.

2) **Tứ-chánh căn.** Tứ niệm xứ làm nền tảng cho công tu. Nhưng tướng niệm chính cũng chưa đủ, còn phải đoạn sạch mọi ác-pháp và chướng ngại pháp lành. Nên phải tu **tứ chánh căn**, nghĩa là phải siêng năng làm 4 việc :

- a) Siêng năng đoạn trừ những pháp bất - thiện đã sanh.
- b) Cố tu-tập để các pháp bất-thiện chưa có đứng sanh ra.
- c) Thiện-pháp chưa sanh làm cho sanh.
- d) Thiện-pháp sanh rồi, cố gây cho mạnh-mẽ.

Tu như vậy còn gọi là **tứ chánh đoạn**, vì nghĩa thiện và bất thiện càng ngày càng cao, nên đoạn cũng nhiều từng bậc.

- a) **Đoạn đoạn :** lấy chánh-niệm đoạn, đoạn mọi các kiết sử.
- b) **Luật nghi đoạn :** giữ uy-nghi để niệm sai đứng khỏi.
- c) **Tùy hộ đoạn :** tùy thuận giữ gìn pháp vô-lậu, đừng cho niệm hữu-lậu chen vào.
- d) **Tu-đoạn :** đoạn các làm nhỏ, lần đến bậc A-la-hán.

Tùy tu tứ-niệm xứ có rốt-ráo hay không, buổi tu-tập trong tứ chánh căn sẽ cao hay thấp. Trả lại tu tứ chánh căn tức giúp cho công phu quán sự (trong tứ-niệm xứ) được rõ ràng, chắc-chắn.

3) **Tứ như-ý-túc hay tứ thần-túc.** Túc nghĩa là chân đứng, là chỗ nương dựa cho sự hành-tri như thân đi đứng nhờ chân. Thần nghĩa là linh

điều. Đây là bốn môn tịnh-tâm, làm chỗ sở y cho
hanh quả linh-diệu, gây nên nhờ 4 chủ lực : **đục**
(chỉ - nguyện) **căn** (tĩnh - tấn, siêng - năng) **tâm** (tâm
chuyên-chú) và **quán**. Nhân đây phân ra 4 thần-túc :
đục-thần-túc, **căn-thần-túc**, **tâm-thần-túc** và **quán-thần-
túc**. Từ-niệm xư dùng nhiều trực-nhận ; từ chánh
căn dùng phương-pháp đoạn-trừ tinh-vi ; Từ như ý-
túc dung hòa cả định và huệ. Tu bậc này thường
phát thần-thông, nên gọi là thần-túc.

4) **Ngũ căn và ngũ lực**. Nhờ định huệ cân
nhau, được nắm quả tốt giúp cho việc chứng đạo
(ngũ căn) hoặc mạnh hơn, giúp được cả người khác
(ngũ lực). Năm quả lành ấy là :

a) **Tín** : hết nghi ngờ, tin chắc chánh-pháp và
tin sẽ giải-thoát nhờ tu chánh pháp.

b) **Tĩnh tấn** : tâm hết lười biếng.

c) **Niệm** : được chánh-niệm luôn luôn.

d) **Tịnh** : tâm thường không tán-loạn.

e) **Huệ** : sáng suốt, rõ thấu chánh-đạo.

Bậc ngũ lực, thiện căn rất mạnh có thể phá chướng
ngại xung quanh mình, sinh tín tâm cho người.

5) **Bát-chánh hay bát-thánh-đạo**. Giữ tâm tri
thường chính, thường sáng suốt, không còn bị tư-
đục làm thiên lệch, để nhận đạo dễ dàng.

a) **Chánh tri kiến** : tri-kiến đúng đắn.

b) **Chánh tư duy** : nương theo chánh tri-kiến mà
nghĩ-ngợi suy xét để chánh-tri ngày càng thêm.

c) **Chánh ngữ** : đem chánh tri tu về phần lời nói,
(khẩu nghiệp) không nói phi lý mê lầm.

d) **Chánh nghiệp** : lấy chánh-tri tu về phần thân-
nghiệp. không làm việc bất chánh.

e) **Chánh mạng** : thân-thể sống thuần theo chánh-
pháp.

f) **Chánh tinh-tấn** : bước tới mãi đến đạo Niết-Ban.

g) **Chánh niệm** : tâm niệm khế hiệp chánh-đạo.

b) **Chánh định** : do chánh-tri phát ra thuyền-định thanh-tịnh, không hề bị tán loạn. Tu bát-chánh-đạo là cốt sáng suốt để trừ mê, thuần theo pháp vô-lậu để trừ các pháp hữu-lậu.

6. Thất-giác-chi. — Đây là kết-quả của công-tu. Thất-giác-chi còn gọi là thất-giác-phần.

a) **Trạch-pháp giác-chi** : được trí-huệ, chọn đúng phép chọn, phép vọng.

b) **Tinh tấn giác-chi** : tâm mạnh mẽ, rời hẳn các tà-hành, thường thiết-hành chánh-pháp.

c) **Hỷ-giác-chi** : tâm thường vui-vẻ trong chánh-pháp.

d) **Khinh-an giác-chi** : tâm rời khỏi các mê lầm, thô nặng, được nhẹ nhàng an lành.

e) **Niệm-giác-chi** : nhớ rõ các việc tu-hành không quên, khiến định và huệ cân nhau.

f) **Định-giác-chi** : tâm không tán-loạn.

g) **Hành-xả-giác-chi** : xả sạch các điều lầm cũ, tâm địa bình thản.

Đến đây là đủ 37 trợ bồ-đề phẩm.

Ngoài ra còn nhiều lối tu-hành nữa như :

1. Cửu thứ đệ định : tức tứ-thuần, tứ không và diệt-tận-định (đến phi tướng phi phi tướng xứ rồi, nhờ quán tâm vô-thường và thọ thị khổ, xả được chấp-ngã).

2. Bát-bội-xả : bát-thắng-xứ và thập-nhất-thể xứ.

Bát-bội-xả tức là tu cho được định, rồi nhân quán vô-thường, vô-ngã, trở lại giải định ấy tu định khác. Tâm lần tu, tâm lần xả như vậy mới chứng được quả A-la-Hán. **Bát-thắng-xứ** là trừ tham-ái và tư-kiến bầy; each thuyền-định. Tu thập-nhất-thể-xứ là dùng tâm quán cảnh, đem một tánh của vũ-tru trùm khắp lên mọi vật như quán tất cả vũ-tru toàn một màu xanh, hay vàng, hoặc toàn là địa, thủy, hỏa, phong.

3. Ngũ-định-tâm : để tâm đứng lại một chỗ.

a) **Bất tịnh-quán** (như trong tứ-niệm-xứ).

b) **Nhân-duyên-quán** : quán lý, mọi vật đều do nhân-duyên tạo thành (có thể nói hơn là những vật tạo thành một cách trực-tiếp, duyên là những phần phụ-trợ cho nhau). Nhận mọi việc trước mắt, bớt một nhân tức vật không có, quả chỉ là một nhóm nhân-duyên hợp lại, như một chuỗi hạt không có tự thể gì. Quán sự : cho mọi vật là danh-tướng cả, không thực có.

c) **Từ-bi quán** : Từ là lòng thương rộng-rãi cùng khắp. Bi là lòng muốn cứu-giúp. Quán lý : toàn-thể chúng-sanh đều có thể giác-ngộ, chỉ vì mê mà mang nghiệp khổ rất oan-uổng, phải xoay vần sống chết đã khổ, lại còn khổ trong nghiệp chúng-sanh, thực là khổ hai tầng. Cho nên người chứng được đạo, phải dốc lòng trừ mê cứu khổ.

Quán sự : đối với mọi người, mọi vật trong vòng sống chết, phát lòng thương không bờ-bến, vì nỗi khổ oan-uổng của họ, sẵn lòng tha-thứ, giúp đỡ, sẵn lòng chịu khó nhọc để đưa họ vào đường chính và không hề giận ai.

d) **Giới-phân-biệt-quán** : chia rạch rời, từng tâm-niệm, từng cảnh, từng trần, thành không thấy cái ta đâu nữa.

e) **Số-tức-quán** : định tâm bằng hơi thở (như đã nói trong tứ-thiền, tứ-không). Các phép quán tuy nhiều, nhưng điều cốt-yếu là bao giờ ta cũng phải kinh-nghiệm nơi tự-tâm. Mỗi lối tu là mỗi lối trừ mê, nhưng như lời Phật nói, đạo Phật chỉ có một vị là vị giải-thoát, cũng như nước ngoài bể khơi chỉ có một vị là vị mặn.

NGUYỄN-HỮU-QUÁN

Trong đoàn Phật-học Đức-Dục

THƯ TÍN

Chúng tôi đã nhận được ngân-phiếu bưu-diện của quý ngài Độc-giả kê tên dưới đây :

MM. Nguyễn quang Hân	Cao lãn	2\$60
Trần ngọc Lý	Vĩnh long	2,00
Nguyễn văn Trung	Trảng bàng	7,50
Lâm kim Đình	Bắc liêu	2,07
Lý chánh Đức	Bến tre	2,50
Võ quang Viên	Qui nhơn	1,70
Lê trọng Ngự	Thanh hóa	2,50
Nguyễn văn Chiêu	Thuận hóa Phanrang	2,00
Hoàng thông Hòa thượng		2,00
Hoàng Phú	Cần thơ	2,50
Tỉnh hội Seerba	Thanh hóa	35,08
Trần thoại Đăng	Trà vinh	5,00
Phan-thành-An	Sades	2\$50
Hoàng-chính-Vân	Laos	2,50
Đặng-như-Lan	Hanoi	2,50
Thái-văn-Phú	Tourane	2,50
Bửn-Tập	Djiring	16,00
Đỗ-văn-Viên	Paksé	2,50
Trần-văn Quái	Saigon	4,50
Nguyễn-Nổng	Paksé	2,00
Nguyễn-văn-Cơ	Phan-thiết	2,00
Nguyễn-đức-Ứng	Hanoi	2,00
Nguyễn-vũ Mẫn	Hanoi	3,00
Nguyễn thanh-Tổng	Saigon	20,00
Đặng-như-Lan	Hanoi	9,82
Thái-bình-Dương	Cholon	2,50

Chúng tôi xin có lời cảm ơn chư-quý độc-giả và sẽ xin tiếp tục gọi nguyệt-san